

Bản án số: 115/2021/HS-ST  
Ngày 21/12/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2021/TLST-HS ngày 25/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXXST-HS ngày 09/12/2021 đối với bị cáo:

**Trần Văn T3**, sinh ngày 09/6/1994 tại huyện T1, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn D, xã T2, huyện T1, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M (sinh năm 1967) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1971); Có vợ là Đặng Thị H1 (sinh năm 1994 – đã ly hôn); Bị cáo có 01 con (sinh năm 2012). Tiền án: 03: 01 - Bản án số 129/2017/HSST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T xử phạt Trần Văn T3 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2018); 02 - Bản án số 06/2019/HSST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T, xử phạt Trần Văn T3 01 năm 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2020); 03 - Bản án số 59/2020/HSST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, xử phạt bị cáo Trần Văn T3 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2021); Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 9/2012 đến tháng 01/2014 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 2, Sư đoàn X, Quân khu 3 C, tỉnh H2; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến ngày 27/9/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T1, tỉnh T. (Có mặt)

**\* Bị hại:**

- Bà Trịnh Thị T4, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn D, xã T2, huyện T1, tỉnh T. (Vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T4: Anh Vũ Đình T5, sinh năm 1977 – Con trai bà T4; Địa chỉ: Thôn D, xã T2, huyện T1, tỉnh T (Có đơn xin vắng mặt)

- Ông Vũ Đình T6, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn D, xã T2, huyện T1, tỉnh T. (Có đơn xin vắng mặt)

\* Người làm chứng: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn D, xã T2, huyện T1, tỉnh T. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/9/2021, Trần Văn T3 (Là người 03 lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" đều chưa được xóa án tích) đi bộ đi chơi trên trục đường thôn D. Khi đi đến khu vực nhà bà Trịnh Thị T4, T3 phát hiện thấy tại khu vực lối ra vườn của gia đình bà T4 có 01 cánh cổng của bà T4 để chắn cửa ra vườn bằng kim loại sắt có kích thước (1,63 x 1,5)m, trọng lượng 12,5 kg, đã cũ, trị giá 120.000 đồng. Quan sát thấy không có người trông coi, T3 nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T3 lại gần, nhấc cánh cổng ra khỏi vị trí rồi vác về nhà cất giấu. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, anh Vũ Đình T5 (là con trai bà T4) phát hiện T3 là người đã trộm cắp cánh cổng nhà mẹ anh nên đã đến nhà T3 yêu cầu T3 trả lại cổng. Sau khi trả lại cổng, ngày 21/9/2021 T3 đến Công an xã T2 đầu thú.

Quá trình điều tra T3 còn khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 26/8/2021 T3 quan sát và phát hiện tại khu vực vườn nhà ông Vũ Đình T6 - là hàng xóm (ở phía sau nhà T3) có để 02 chiếc nồi nhôm quân dụng, đã qua sử dụng (01 chiếc có kích thước (50 x 35) cm, trị giá 130.000 đồng; 01 chiếc kích thước (60 x 35) cm, trị giá 150.000 đồng). T3 nảy sinh ý định lấy trộm 02 chiếc nồi trên bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T3 lén lút, trèo qua bờ tường sang vườn, lại gần đổ nước đựng bên trong nồi đi, rồi xách chiếc nồi theo lối cũ về nhà. Sau đó, T3 bán 02 chiếc nồi cho người phụ nữ đi thu mua phế liệu không biết tên, tuổi, địa chỉ lấy 300.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết. Sáng ngày 27/8/2021, phát hiện bị mất hai chiếc nồi ông Vũ Đình T6 đã làm đơn trình báo Công an xã T2.

Bản kết luận định giá tài sản số 44/KL- HĐĐGTS ngày 24/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T1, kết luận: "01 cổng bằng kim loại (sắt) màu đen, kích thước (1,63x 1,5)m, trọng lượng 12,5 kg, han gỉ (đã qua sử dụng), thời điểm định giá tháng 9/2021, trị giá 120.000 đồng; 01 nồi nhôm kích thước (50x35) cm, đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 9/2021, trị giá 130.000 đồng, 01 nồi nhôm kích thước (60x35) cm, đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 9/2021, trị giá 150.000 đồng. Tổng cộng: 400.000 đồng"

Bản cáo trạng số 113A/CT-VKSTT ngày 24/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố bị cáo Trần Văn T3 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T3 đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T3 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T3 từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2021, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cánh cổng cho bà T4 là đúng quy định nên cần chấp nhận xử lý của Cơ quan điều tra. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của các bị hại, người đại diện theo ủy quyền, người làm chứng tại phiên tòa: Xét thấy các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại giai đoạn điều tra, truy tố đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Công an xã T2, Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn

điều tra, truy tố phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 24/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trần Văn T3 là đối tượng đã có 3 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" đều chưa được xóa án tích đã có hành vi trộm cắp 01 cánh cổng trị giá 120.000đ của bà Trịnh Thị T4 vào ngày 14/9/2021 và trộm cắp 02 chiếc nồi nhôm đã qua sử dụng trị giá 280.000đ của ông Vũ Đình T6 vào ngày 26/8/2021. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

***Điều 173: Tội trộm cắp tài sản***

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....

*b, Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 1174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

.....

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”*

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, để đấu tranh phòng chống tội phạm cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đầu thú, có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo trộm cắp cánh cổng nhà bà T4, sinh năm 1948 với lỗi cố ý trực tiếp (bà T4 trên 70 tuổi) nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội đối với người từ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng phạm tội và bị xét xử nhiều lần, hiểu được sự trừng phạt răn đe của pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện và cải tạo bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, việc đưa ra xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật hình sự và cần phải áp dụng một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[7] Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, bà T4 đã đề nghị Cơ quan điều tra trả cho bà 01 cổng bằng kim loại (sắt) màu đen, kích thước (1,63x 1,5) m, trọng lượng 12,5 kg đã qua sử dụng và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại vật chứng trên cho bà T4 quản lý và sử dụng theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 28/9/2021 là đúng quy định của pháp luật; Ông Vũ Đình T6 không yêu cầu bị cáo bồi thường về hai chiếc nồi nhôm mà T3 trộm cắp nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

[10] Về các vấn đề khác: Đối với người phụ nữ đã mua 02 chiếc nồi nhôm do bị cáo T3 trộm cắp bán. Quá trình điều tra không xác định được người phụ nữ nêu trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại, đại diện của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Trần Văn T3 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

**2. Về hình phạt:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 09 (Chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 21/9/2021, không phạt bổ sung đối với bị cáo.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn T3 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/12/2021). Bà Trịnh Thị T4, anh Vũ Đình T5 và ông Vũ Đình T6 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- Bị cáo, bị hại, đại diện bị hại;
- VKSND huyện T1;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Công an huyện T1;
- UBND xã T2;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Đào Thị Xuân Quỳnh**